

DẠY NGỮ PHÁP TIẾNG ANH CHO TRẺ EM THÔNG QUA NGỮ CẢNH CÓ Ý NGHĨA

PHẠM THỊ NGỌC ANH
Học viện Ngân hàng

Nhận bài ngày 20/6/2026. Sửa chữa xong 30/7/2026. Duyệt đăng 08/8/2026.

Abstract

In the context of communicative competence-oriented language education, grammar instruction for young learners should emphasize meaningful language use rather than the isolated presentation of grammatical rules. This article examines the theoretical foundations of teaching grammar through meaningful contexts and discusses the pedagogical value of this approach in promoting learner engagement, grammar acquisition, and communicative language use. Drawing on a review of relevant literature and an analysis of classroom practices, the article highlights the role of contextualized grammar instruction in creating meaningful learning experiences and facilitating language development. Based on the analysis, several pedagogical recommendations are proposed to enhance the effectiveness of English grammar instruction for young learners in contemporary educational settings.

Keywords: Communicative competence, English language teaching, grammar instruction, meaningful contexts, young learners.

1. Đặt vấn đề

Ngữ pháp là một thành tố quan trọng của năng lực giao tiếp, góp phần hỗ trợ người học sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác và phù hợp trong các tình huống giao tiếp. Đối với người học nhỏ tuổi, việc tiếp thu các cấu trúc ngữ pháp có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển năng lực ngôn ngữ và tạo nền tảng cho việc học ngoại ngữ ở các giai đoạn tiếp theo. Tuy nhiên, đặc điểm nhận thức và tâm lý của trẻ em đặt ra những yêu cầu riêng đối với việc tổ chức hoạt động dạy học ngữ pháp.

Trong bối cảnh giảng dạy tiếng Anh theo định hướng giao tiếp, nhiều nghiên cứu đã nhấn mạnh vai trò của việc đặt ngôn ngữ trong các ngữ cảnh sử dụng có ý nghĩa nhằm giúp người học hiểu được mối liên hệ giữa hình thức, ý nghĩa và chức năng giao tiếp của ngôn ngữ. Trên cơ sở đó, bài viết tập trung phân tích cơ sở lý luận của việc giảng dạy ngữ pháp thông qua ngữ cảnh có ý nghĩa đối với người học nhỏ tuổi, đồng thời thảo luận một số hình thức triển khai trong lớp học nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học ngữ pháp tiếng Anh.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Dạy ngữ pháp trong giảng dạy ngoại ngữ

Ngữ pháp giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành năng lực ngôn ngữ của người học. Theo Thornbury (1999), ngữ pháp là hệ thống các quy tắc chi phối cách thức các đơn vị ngôn ngữ được kết hợp nhằm tạo ra ý nghĩa trong giao tiếp. Việc nắm vững các cấu trúc ngữ pháp giúp người học diễn đạt ý tưởng một cách rõ ràng, chính xác và phù hợp với ngữ cảnh sử dụng.

Trong lịch sử giảng dạy ngoại ngữ, ngữ pháp thường được tiếp cận theo hướng tập trung vào hình thức (focus on forms), trong đó giáo viên (GV) trình bày quy tắc ngôn ngữ một cách tường minh trước

Email: anhpntn@hvn.edu.vn

khi yêu cầu người học thực hiện các bài tập luyện tập. Cách tiếp cận này có ưu điểm là giúp người học nhận diện và ghi nhớ cấu trúc ngôn ngữ tương đối nhanh chóng. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu cho thấy việc học ngữ pháp tách rời khỏi ngữ cảnh sử dụng có thể làm giảm khả năng vận dụng kiến thức ngôn ngữ vào giao tiếp thực tế (Ellis, 2006).

Sự phát triển của phương pháp giảng dạy ngoại ngữ theo định hướng giao tiếp đã dẫn đến những thay đổi đáng kể trong quan niệm về dạy học ngữ pháp. Thay vì xem ngữ pháp là mục tiêu cuối cùng của quá trình học tập, các nhà nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của ngữ pháp như một nguồn lực ngôn ngữ hỗ trợ người học thực hiện các mục đích giao tiếp. Theo Larsen-Freeman (2003), việc giảng dạy ngữ pháp cần chú ý đồng thời đến ba khía cạnh: hình thức (form), ý nghĩa (meaning) và cách sử dụng (use). Điều này cho thấy người học không chỉ cần biết cấu trúc ngôn ngữ được hình thành như thế nào mà còn cần hiểu khi nào và vì sao cấu trúc đó được sử dụng trong giao tiếp.

Đối với trẻ em, yêu cầu này càng trở nên quan trọng bởi người học nhỏ tuổi thường tiếp thu ngôn ngữ thông qua các hoạt động giàu ý nghĩa và mang tính trải nghiệm hơn là thông qua việc ghi nhớ các khái niệm trừu tượng. Do đó, việc đặt ngữ pháp trong những ngữ cảnh giao tiếp cụ thể được xem là một hướng tiếp cận phù hợp nhằm giúp trẻ hiểu được mối liên hệ giữa hình thức ngôn ngữ và chức năng giao tiếp của ngôn ngữ.

2.1.2. Khái niệm ngữ cảnh có ý nghĩa (Meaningful Context) trong giảng dạy ngữ pháp

Trong giảng dạy ngoại ngữ, ngữ cảnh có ý nghĩa (*meaningful context*) được hiểu là môi trường mà trong đó ngôn ngữ được sử dụng nhằm thực hiện một mục đích giao tiếp cụ thể thay vì được trình bày như các đơn vị ngôn ngữ riêng lẻ. Theo Larsen-Freeman (2003), việc học ngữ pháp cần gắn kết giữa hình thức, ý nghĩa và cách sử dụng, giúp người học hiểu không chỉ cấu trúc ngôn ngữ mà còn chức năng giao tiếp của chúng.

Quan điểm này được hỗ trợ bởi nhiều lý thuyết giảng dạy ngoại ngữ hiện đại. Theo phương pháp Dạy học Ngôn ngữ Giao tiếp (Communicative Language Teaching (CLT)), các cấu trúc ngôn ngữ nên được giới thiệu trong những tình huống sử dụng thực tế để phát triển năng lực giao tiếp của người học (Richards & Rodgers, 2014). Tương tự, Dạy học Dựa trên Nhiệm vụ (Task-Based Language Teaching (TBLT)) nhấn mạnh vai trò của các nhiệm vụ có ý nghĩa trong quá trình tiếp thu ngôn ngữ (Ellis, 2003). Bên cạnh đó, Krashen (1985) cho rằng người học tiếp thu ngôn ngữ hiệu quả hơn khi được tiếp xúc với nguồn ngôn ngữ dễ hiểu trong các ngữ cảnh giao tiếp thực tế, trong khi Long (1991) đề xuất rằng việc chú ý đến hình thức ngôn ngữ nên diễn ra trong quá trình xử lý ý nghĩa.

Các nghiên cứu gần đây tiếp tục khẳng định vai trò của ngữ cảnh trong việc học ngữ pháp. Chat-terjee và Halder (2022) cho rằng việc tích hợp ngữ pháp vào các hoạt động giao tiếp giúp người học hiểu rõ hơn chức năng của các cấu trúc ngôn ngữ. Tương tự, Chung và Revesz (2024) nhận thấy rằng các nhiệm vụ học tập có ngữ cảnh góp phần nâng cao khả năng linh hoạt và sử dụng ngữ pháp của người học.

Đối với trẻ em, ngữ cảnh có ý nghĩa càng trở nên quan trọng do đặc điểm nhận thức của lứa tuổi này. Theo Cameron (2001) và Pinter (2017), người học nhỏ tuổi tiếp thu ngoại ngữ hiệu quả hơn khi ngôn ngữ được gắn với hình ảnh, câu chuyện, trò chơi và các tình huống quen thuộc. Vì vậy, việc dạy ngữ pháp thông qua ngữ cảnh có ý nghĩa được xem là một hướng tiếp cận phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả học tập và phát triển năng lực giao tiếp cho người học nhỏ tuổi.

2.1.3. Đặc điểm của người học nhỏ tuổi và sự phù hợp của việc dạy ngữ pháp thông qua ngữ cảnh có ý nghĩa

Người học nhỏ tuổi có những đặc điểm nhận thức và tâm lý khác biệt so với người học trưởng thành, do đó cần những phương pháp giảng dạy phù hợp. Theo Cameron (2001), trẻ em thường tiếp thu ngôn ngữ thông qua các hoạt động giàu ý nghĩa và mang tính trải nghiệm hơn là thông qua việc phân tích các quy tắc ngôn ngữ một cách tường minh. Khi tham gia vào các câu chuyện, trò chơi hoặc

hoạt động giao tiếp, các em có xu hướng tập trung vào nội dung và thông điệp hơn là vào hình thức ngôn ngữ.

Dưới góc độ phát triển nhận thức, Piaget (1972) cho rằng học sinh (HS) tiểu học chủ yếu tư duy thông qua các đối tượng và tình huống cụ thể. Vì vậy, việc dạy ngữ pháp dưới dạng các quy tắc trừu tượng có thể gây khó khăn cho người học nếu không được hỗ trợ bằng hình ảnh, hành động hoặc ngữ cảnh phù hợp. Bên cạnh đó, trẻ em thường có khoảng chú ý ngắn và học tập hiệu quả hơn khi được tham gia vào các hoạt động tương tác như kể chuyện, đóng vai hoặc trò chơi ngôn ngữ (Scott & Ytreberg, 1990).

Các nghiên cứu gần đây tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của việc học ngôn ngữ trong ngữ cảnh có ý nghĩa. Theo Chatterjee và Halder (2022), việc tích hợp ngữ pháp vào các hoạt động giao tiếp giúp người học hiểu rõ hơn chức năng sử dụng của các cấu trúc ngôn ngữ. Tương tự, Chung và Revesz (2024) cho rằng các nhiệm vụ học tập giàu ngữ cảnh có thể thúc đẩy quá trình lĩnh hội ngữ pháp thông qua việc xử lý ý nghĩa thay vì ghi nhớ quy tắc đơn thuần. Ngoài ra, Pinter (2017), nhấn mạnh rằng những tình huống gắn gũi với trải nghiệm hằng ngày giúp trẻ dễ dàng kết nối kiến thức mới với vốn hiểu biết sẵn có của mình.

Nhìn chung, việc giảng dạy ngữ pháp thông qua ngữ cảnh có ý nghĩa phù hợp với đặc điểm học tập tự nhiên của trẻ em. Cách tiếp cận này không chỉ hỗ trợ quá trình tiếp thu ngôn ngữ mà còn góp phần phát triển năng lực giao tiếp, giúp người học sử dụng ngữ pháp như một công cụ diễn đạt thay vì chỉ ghi nhớ các quy tắc ngôn ngữ.

2.2. Các hình thức triển khai dạy ngữ pháp thông qua ngữ cảnh có ý nghĩa

2.2.1. Sử dụng tranh ảnh để tạo ngữ cảnh cho việc học ngữ pháp

Tranh ảnh là một trong những phương tiện hiệu quả để xây dựng ngữ cảnh có ý nghĩa trong giảng dạy ngữ pháp cho trẻ em. Nhờ tính trực quan, hình ảnh giúp người học dễ dàng liên hệ giữa cấu trúc ngôn ngữ và ý nghĩa mà cấu trúc đó biểu đạt. Theo Cameron (2001), việc sử dụng hình ảnh phù hợp có thể hỗ trợ quá trình tiếp thu ngôn ngữ của trẻ em thông qua việc cung cấp đầu vào dễ hiểu và gắn gũi với trải nghiệm của người học.

Trong lớp học, tranh ảnh có thể được sử dụng để giới thiệu và thực hành nhiều điểm ngữ pháp khác nhau. Chẳng hạn, khi dạy thì hiện tại tiếp diễn (*Present Continuous*), GV có thể sử dụng tranh mô tả các hoạt động đang diễn ra tại công viên hoặc sân chơi và đặt câu hỏi như “What is the boy doing?” hoặc “What are the children doing?”. Thông qua hoạt động quan sát và mô tả, HS được tiếp xúc với cấu trúc ngữ pháp trong một ngữ cảnh cụ thể thay vì học công thức một cách tách biệt.

Tương tự, tranh ảnh cũng có thể được khai thác để dạy cấu trúc so sánh, giới từ chỉ vị trí hoặc thì hiện tại đơn. Ví dụ, hình ảnh các con vật có kích thước khác nhau có thể được sử dụng để thực hành các câu so sánh như “The elephant is bigger than the dog”. Trong trường hợp này, HS sử dụng ngữ pháp để mô tả và trao đổi thông tin thay vì chỉ hoàn thành các bài tập mang tính cơ học.

Việc sử dụng tranh ảnh không chỉ giúp bài học trở nên sinh động hơn mà còn tạo cơ hội để người học sử dụng ngôn ngữ trong những tình huống có ý nghĩa. Nhờ đó, ngữ pháp được tiếp cận như một công cụ giao tiếp, góp phần nâng cao khả năng ghi nhớ và vận dụng ngôn ngữ của người học nhỏ tuổi.

2.2.2. Sử dụng truyện kể để tạo ngữ cảnh cho việc học ngữ pháp

Truyện kể (storytelling) là một hình thức tạo ngữ cảnh có ý nghĩa được sử dụng rộng rãi trong giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em. Theo Ellis và Brewster (2014), câu chuyện cung cấp một môi trường ngôn ngữ tự nhiên, trong đó từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và nội dung giao tiếp được kết nối với nhau một cách chặt chẽ. Đối với người học nhỏ tuổi, truyện kể không chỉ tạo hứng thú học tập mà còn giúp các em tiếp xúc với ngôn ngữ trong những tình huống có ý nghĩa và dễ ghi nhớ.

Khác với việc giới thiệu ngữ pháp thông qua các câu ví dụ rời rạc, truyện kể cho phép GV đặt các cấu trúc ngôn ngữ vào một mạch nội dung hoàn chỉnh. Chẳng hạn, khi dạy thì quá khứ đơn (*Past Simple*), GV có thể kể một câu chuyện ngắn về chuyến tham quan sở thú của một bạn nhỏ với các cấu trúc như *visited*, *saw*, *fed* hoặc *took photos*. Thông qua việc theo dõi diễn biến câu chuyện, HS dần nhận biết được cách sử dụng của thì quá khứ đơn để diễn tả những sự việc đã xảy ra trong quá khứ.

Ngoài ra, truyện kể còn tạo điều kiện cho người học tham gia vào nhiều hoạt động ngôn ngữ khác nhau như dự đoán nội dung, trả lời câu hỏi, kể lại câu chuyện hoặc đóng vai các nhân vật. Những hoạt động này giúp HS sử dụng các cấu trúc ngữ pháp trong quá trình giao tiếp thay vì chỉ thực hiện các bài tập mang tính ghi nhớ. Theo Cameron (2001), việc sử dụng ngôn ngữ trong những ngữ cảnh giàu ý nghĩa như truyện kể góp phần thúc đẩy quá trình tiếp thu ngôn ngữ một cách tự nhiên và bền vững.

Nhờ khả năng kết hợp nội dung hấp dẫn với các mục tiêu ngôn ngữ, truyện kể được xem là một công cụ hiệu quả để giảng dạy ngữ pháp cho trẻ em. Hình thức này không chỉ giúp người học hiểu được ý nghĩa và chức năng của các cấu trúc ngữ pháp mà còn góp phần phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và tư duy ngôn ngữ trong môi trường học tập tích cực.

2.2.3. Sử dụng trò chơi ngôn ngữ để tạo ngữ cảnh cho việc học ngữ pháp

Trò chơi ngôn ngữ là một trong những hình thức được sử dụng phổ biến trong giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em nhờ khả năng tạo ra môi trường học tập tích cực và khuyến khích sự tham gia của người học. Theo Wright, Betteridge và Buckby (2006), trò chơi không chỉ giúp tăng hứng thú học tập mà còn tạo cơ hội để người học sử dụng ngôn ngữ trong những tình huống giao tiếp có mục đích. Khi được thiết kế phù hợp, trò chơi có thể trở thành một ngữ cảnh có ý nghĩa, trong đó ngữ pháp được sử dụng như công cụ để hoàn thành nhiệm vụ thay vì là đối tượng học tập riêng biệt.

Trong thực tiễn giảng dạy, nhiều trò chơi có thể được khai thác để luyện tập các cấu trúc ngữ pháp khác nhau. Chẳng hạn, với trò chơi *Find Someone Who*, HS phải di chuyển trong lớp và đặt câu hỏi như “Do you play football?” hoặc “Can you swim?” để thu thập thông tin từ bạn học. Thông qua hoạt động này, người học được thực hành các cấu trúc câu hỏi và câu trả lời trong một tình huống giao tiếp gần gũi. Tương tự, các trò chơi đoán hành động, ghép tranh hoặc tìm điểm khác biệt giữa hai bức tranh cũng có thể được sử dụng để luyện tập thì hiện tại tiếp diễn, giới từ chỉ vị trí hoặc cấu trúc so sánh.

Một ưu điểm của trò chơi ngôn ngữ là tạo ra nhu cầu sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên. Trong quá trình tham gia trò chơi, sự chú ý của HS thường tập trung vào việc hoàn thành nhiệm vụ hoặc giành chiến thắng hơn là vào các quy tắc ngữ pháp. Tuy nhiên, chính trong quá trình đó, các em vẫn phải sử dụng những cấu trúc ngôn ngữ phù hợp để giao tiếp với GV và bạn học. Điều này phù hợp với quan điểm của dạy học ngôn ngữ giao tiếp, trong đó việc sử dụng ngôn ngữ để truyền tải ý nghĩa được xem là yếu tố quan trọng của quá trình học tập.

Nhìn chung, trò chơi ngôn ngữ không chỉ góp phần tạo động lực học tập mà còn giúp người học tiếp xúc và thực hành ngữ pháp trong những tình huống giàu tính tương tác. Khi được lựa chọn và tổ chức phù hợp, trò chơi có thể trở thành một phương tiện hiệu quả để hỗ trợ việc dạy và học ngữ pháp cho trẻ em.

2.2.4. Sử dụng hoạt động đóng vai và tình huống giao tiếp

Hoạt động đóng vai (*role-play*) và các tình huống giao tiếp mô phỏng được xem là những hình thức hiệu quả để tạo ngữ cảnh có ý nghĩa trong giảng dạy ngữ pháp. Khác với các hoạt động luyện tập có kiểm soát, đóng vai đặt người học vào những tình huống gần gũi với đời sống thực tế, từ đó tạo nhu cầu sử dụng ngôn ngữ nhằm thực hiện một mục đích giao tiếp cụ thể. Theo Harmer (2015), các hoạt động đóng vai giúp người học vận dụng kiến thức ngôn ngữ trong bối cảnh giao tiếp, đồng thời góp phần phát triển tính lưu loát và sự tự tin khi sử dụng ngoại ngữ.

Trong quá trình dạy ngữ pháp, GV có thể thiết kế các tình huống giao tiếp phù hợp với nội dung bài học và độ tuổi của HS. Chẳng hạn, khi dạy cấu trúc diễn tả dự định trong tương lai (*be going to*), HS có

thể đóng vai khách du lịch và nhân viên tư vấn du lịch để trao đổi về kế hoạch nghỉ hè. Với chủ điểm về mua sắm, HS có thể đóng vai người bán hàng và khách hàng nhằm thực hành các mẫu câu hỏi và trả lời liên quan đến giá cả, số lượng hoặc sở thích. Trong những hoạt động này, ngữ pháp được sử dụng như một phương tiện để truyền đạt thông tin thay vì chỉ là nội dung cần ghi nhớ.

Bên cạnh việc tạo cơ hội thực hành ngôn ngữ, hoạt động đóng vai còn giúp tăng tính cá nhân hóa trong học tập. HS có thể vận dụng những kinh nghiệm, sở thích và hiểu biết của bản thân để xây dựng lời thoại và tham gia giao tiếp. Điều này góp phần nâng cao mức độ tham gia của người học và làm cho việc sử dụng ngôn ngữ trở nên tự nhiên hơn.

Nhìn chung, các hoạt động đóng vai và tình huống giao tiếp không chỉ giúp người học hiểu rõ cách sử dụng các cấu trúc ngữ pháp trong thực tế mà còn tạo điều kiện để phát triển năng lực giao tiếp. Đây là một hình thức phù hợp với định hướng dạy học lấy người học làm trung tâm và có thể được áp dụng linh hoạt trong nhiều chủ điểm ngữ pháp khác nhau.

2.3. Một số lưu ý khi triển khai dạy ngữ pháp thông qua ngữ cảnh có ý nghĩa

Mặc dù việc giảng dạy ngữ pháp thông qua ngữ cảnh có ý nghĩa mang lại nhiều lợi ích đối với người học nhỏ tuổi, hiệu quả của cách tiếp cận này phụ thuộc đáng kể vào quá trình thiết kế và tổ chức hoạt động của GV. Trước hết, việc xây dựng ngữ cảnh cần phục vụ mục tiêu ngôn ngữ cụ thể thay vì chỉ tạo ra những hoạt động mang tính giải trí. Các câu chuyện, trò chơi hay tình huống giao tiếp cần được lựa chọn sao cho cấu trúc ngữ pháp mục tiêu xuất hiện một cách tự nhiên và có tần suất đủ để người học nhận biết và thực hành. Nếu ngữ cảnh không gắn chặt với mục tiêu bài học, HS có thể tham gia tích cực nhưng chưa chắc đã đạt được kết quả mong muốn về mặt ngôn ngữ.

Bên cạnh đó, ngữ cảnh được sử dụng cần phù hợp với độ tuổi, trình độ ngôn ngữ và trải nghiệm của người học. Theo Cameron (2001) [1], trẻ em có xu hướng tiếp thu ngôn ngữ hiệu quả hơn khi nội dung học tập gắn với những chủ đề quen thuộc như gia đình, trường học, bạn bè, sở thích hoặc các hoạt động thường ngày. Những ngữ cảnh gần gũi không chỉ giúp giảm gánh nặng nhận thức mà còn tạo điều kiện để người học kết nối kiến thức mới với kinh nghiệm cá nhân, từ đó nâng cao khả năng hiểu và ghi nhớ.

Một vấn đề quan trọng khác là sự cân bằng giữa ý nghĩa và hình thức ngôn ngữ. Mặc dù cách tiếp cận dựa trên ngữ cảnh nhấn mạnh vai trò của giao tiếp và ý nghĩa, nhiều nghiên cứu gần đây cho rằng việc học ngữ pháp sẽ hiệu quả hơn khi người học được hướng dẫn chú ý đến các đặc điểm ngôn ngữ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Quan điểm này phù hợp với cách tiếp cận *Focus on Form* của Long (1991), đồng thời được Chatterjee và Halder (2022) khẳng định khi cho rằng việc kết hợp giữa hoạt động giao tiếp có ý nghĩa và sự chú ý có chủ đích đến hình thức ngôn ngữ giúp nâng cao khả năng lĩnh hội ngữ pháp. Do đó, sau các hoạt động giao tiếp, GV nên dành thời gian giúp HS nhận diện, so sánh và khái quát hóa các quy tắc sử dụng của cấu trúc mục tiêu.

Ngoài ra, trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, việc tích hợp công nghệ có thể góp phần nâng cao hiệu quả của dạy học ngữ pháp theo ngữ cảnh. Các nguồn học liệu số như truyện tranh tương tác, video ngắn, trò chơi trực tuyến hoặc các ứng dụng học ngoại ngữ có khả năng tạo ra những ngữ cảnh phong phú và hấp dẫn cho người học. Nghiên cứu của Lin và cộng sự (2020) cho thấy các hoạt động học tập dựa trên trò chơi số có thể làm tăng mức độ tham gia của HS và hỗ trợ việc sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống có ý nghĩa.

Cuối cùng, việc đánh giá kết quả học tập cần phản ánh được mục tiêu của cách tiếp cận này. Bên cạnh các bài kiểm tra ngữ pháp truyền thống, GV nên sử dụng thêm các nhiệm vụ giao tiếp, hoạt động nói hoặc viết có ngữ cảnh nhằm đánh giá khả năng vận dụng ngữ pháp trong thực tế. Điều này phù hợp với định hướng phát triển năng lực giao tiếp trong giảng dạy ngoại ngữ hiện đại, đồng thời giúp GV có cái nhìn toàn diện hơn về mức độ lĩnh hội và sử dụng ngôn ngữ của người học.

Xem tiếp trang 88